

**Số:0809/TH-TCHC**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2023

Về việc công bố thông tin thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

**1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

- Trụ sở chính: 215 Trần Thủ Độ, P.Phú Thạnh, Q.Tân Phú, TP.HCM
- Địa chỉ liên hệ: 95 Phạm Hữu Chí, phường 12, quận 5, TP.HCM
- Điện thoại: (028) 38 557 877 Fax: (028) 39 557 977

**2. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Mươi - Giám đốc.**

- Địa chỉ: Chung cư ICON 56 Bến Vân Đồn, Phường 13, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh

**3. Loại thông tin công bố:**

- 24h       Yêu cầu       Bất thường       Định kỳ

**4. Nội dung thông tin công bố:**

Thực hiện Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, ngày 14/02/2023 Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa nhận được thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV số 1705/TB-KV IV ngày 30/12/2022, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa thực hiện công bố thông tin Thông báo kết quả kiểm toán (đính kèm).

**5. Địa chỉ đăng tải:** thông tin này đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 15/02/2023 tại đường dẫn: [www.capnuoctanho.com.vn](http://www.capnuoctanho.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



Nguyễn Mươi

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC  
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC IV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1705/TB-KV IV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2022

CTY CP CẤP NƯỚC TÂN HOÀ  
**CÔNG VĂN ĐẾN**  
Số: 0190 JT  
Ngày 14 tháng 02 năm 2023  
Chuyển: P. Tài

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN  
TẠI: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HOÀ**

Kính gửi: Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà

Thực hiện Quyết định số 1163/QĐ-KTNN ngày 26/8/2022 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Chuyên đề công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước và Báo cáo tài chính năm 2021 của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Tổ kiểm toán nhà nước thuộc Đoàn Kiểm toán nhà nước (KTNN) của KTNN khu vực IV đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà từ ngày 31/8/2022 đến ngày 12/9/2022.

Căn cứ Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán đã được phát hành và kết quả kiểm toán tại Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán tại đơn vị, KTNN khu vực IV thông báo kết luận và kiến nghị kiểm toán đối với đơn vị như sau:

**I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN**

Các đánh giá, nhận xét đã được thể hiện trong Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán đã ký với đơn vị. Sau đây là kết luận kiểm toán tại đơn vị như sau:

**1. Xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính**

**1.1. Kết quả kiểm toán số liệu báo cáo tài chính:** Chi tiết tại Phụ lục số 05/HSKT-KTNN.

**1.2. Ý kiến xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính**

**Trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán:** Lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà theo khuôn khổ về lập và trình bày Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính; thực hiện kiểm soát nội bộ mà đơn vị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Tổ Kiểm toán nhà nước:** Đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính của đơn vị dựa trên kết quả kiểm toán.

**Ý kiến của Đoàn kiểm toán nhà nước:** Theo ý kiến của Tổ KTNN, ngoại trừ sự ảnh hưởng của các yếu tố đã nêu trong mục phạm vi và giới hạn kiểm toán, các sai sót do KTNN phát hiện được nêu tại thông báo này, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của đơn vị lập đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của đơn vị tại thời điểm lập báo cáo,

phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng và quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **2. Về chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính - kế toán, quản lý và quản lý sử dụng vốn, tiền và tài sản nhà nước**

Nhìn chung, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa cơ bản chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính, kế toán và quản lý, sử dụng vốn, tiền và tài sản nhà nước theo quy định. Tuy nhiên, còn một số tồn tại, hạn chế sau:

Công ty đang mượn sử dụng 02 khu đất của Công ty Mẹ Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV gồm: Một phần khu đất tại 95 Phạm Hữu Chí, phường 12, Quận 5 (550m<sup>2</sup>/2.495 m<sup>2</sup>) làm văn phòng công ty và Khu đất tại số 892A Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình (số cũ 21A/19 Âu Cơ) sử dụng làm trạm giếng và bãi tập kết xe và vật tư (*Chi tiết tại Phụ lục số 06/HSKT-KTNN*). KTNN căn cứ tiền thuê đất năm 2021 Công ty Mẹ đã nộp theo thông báo của cơ quan thuế tạm phân bổ số tiền thuê đất Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa phải trả Công ty Mẹ Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV đối với một phần khu đất 95 Phạm Hữu Chí, phường 12, Quận 5 là 526 triệu đồng.

### **3. Về tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả**

Năm 2021, các tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu tăng so với năm 2020. Công ty đảm bảo khả năng thanh toán hiện hành, bảo toàn và phát triển được vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

## **II. KIẾN NGHỊ**

### **Đối với Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa**

1. Điều chỉnh sổ kế toán và Báo cáo tài chính năm 2021 theo ý kiến kết luận và kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

2. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, kế toán

Phối hợp với Công ty Mẹ Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV để có phương án và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định về việc Tổng công ty đang giao cho Công ty mượn sử dụng các mặt bằng nhà đất.

Đề nghị Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa chỉ đạo đơn vị thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước theo Thông báo này và báo cáo kết quả thực hiện về Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV để tổng hợp báo cáo Kiểm toán nhà nước khu vực IV, địa chỉ 49 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM trước ngày 30/6/2023. Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện (*với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu,...* để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị

chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do).

Thông báo này gồm 03 trang, từ trang 01 đến trang 03 và các Phụ lục số 05, 06/HSKT-KTNN là bộ phận không tách rời của Thông báo này./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TCT Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV;
- Vụ Chế độ và KSCLKT;
- KTNN khu vực IV;
- Lưu: VT, ĐKT.

KIỂM TOÁN TRƯỞNG



Trần Khánh Hòa

**PHỤ LỤC KẾT QUẢ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

**I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2021**

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
B	C	1	2	3 = 2 - 1
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>110.029.165.935</b>	<b>110.029.165.935</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>26.464.733.730</b>	<b>26.464.733.730</b>	
1. Tiền	111	1.464.733.730	1.464.733.730	
2. Các khoản tương đương tiền	112	25.000.000.000	25.000.000.000	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	11.000.000.000	11.000.000.000	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>60.180.796.194</b>	<b>60.180.796.194</b>	
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	56.470.436.841	56.470.436.841	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	325.631.460	325.631.460	
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	3.384.727.893	3.384.727.893	
5. Dự phòng phải thu khó đòi	137			
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12.367.112.788</b>	<b>12.367.112.788</b>	
1. Hàng tồn kho	141	12.367.112.788	12.367.112.788	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>16.523.223</b>	<b>16.523.223</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	16.523.223	16.523.223	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>10.233.038.744</b>	<b>10.233.038.744</b>	
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
4. Trả trước cho người bán dài hạn	214			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
9. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>8.936.440.688</b>	<b>8.936.440.688</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.342.160.245	7.342.160.245	
- Nguyên giá	222	21.714.668.210	21.714.668.210	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(14.372.507.965)	(14.372.507.965)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	1.594.280.443	1.594.280.443	
- Nguyên giá	228	5.542.504.000	5.542.504.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(3.948.223.557)	(3.948.223.557)	
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
1. Nguyên giá	231			
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>			
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			

<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>1.296.598.056</b>	<b>1.296.598.056</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	1.229.914.560	1.229.914.560	
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	66.683.496	66.683.496	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>120.262.204.679</b>	<b>120.262.204.679</b>	
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>62.741.304.853</b>	<b>63.161.944.853</b>	<b>420.640.000</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>62.741.304.853</b>	<b>63.161.944.853</b>	<b>420.640.000</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	31.934.738.700	31.934.738.700	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.680.186.191	1.680.186.191	
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	6.552.625.572	6.447.465.572	(105.160.000)
4. Phải trả người lao động	314	19.382.051.979	19.382.051.979	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	318			
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	1.036.061.393	1.561.861.393	525.800.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	2.155.641.018	2.155.641.018	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343			
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>57.520.899.826</b>	<b>57.100.259.826</b>	<b>(420.640.000)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>57.520.899.826</b>	<b>57.100.259.826</b>	<b>(420.640.000)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	50.000.000.000	50.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	93.553.000	93.553.000	
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415	(27.200.000)	(27.200.000)	
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	1.146.479.898	1.146.479.898	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	6.308.066.928	5.887.426.928	(420.640.000)
- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước				
- LNST chưa phân phối năm nay		6.308.066.928	5.887.426.928	(420.640.000)
6. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>120.262.204.679</b>	<b>120.262.204.679</b>	

\* Nguyên nhân chênh lệch:

- |  |                  |
|--|------------------|
| 1. Phải trả ngắn hạn khác tăng   | 525.800.000 đồng |
| Do phải trả tiền thuế đất năm 2021 đối với một phần mặt bằng số 95 Phạm Hữu Chí mượn sử dụng của Công ty mẹ - Tổng công ty |                  |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước giảm  | 105.160.000 đồng |
| Do tăng chi phí tiền thuế đất phải trả công ty mẹ  |                  |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm  | 420.640.000 đồng |
| Do kết quả kiểm toán   |                  |

## II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Số Báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	151.288.129.484	151.288.129.484	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	151.288.129.484	151.288.129.484	
4. Giá vốn hàng bán	11	127.417.207.992	127.417.207.992	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	23.870.921.492	23.870.921.492	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.183.624.321	1.183.624.321	
7. Chi phí tài chính	22		0	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25		0	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17.232.281.482	17.232.281.482	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 24 - 22 - 25 - 26)	30	7.822.264.331	7.822.264.331	0
12. Thu nhập khác	31	537.102.455	537.102.455	
13. Chi phí khác	32	290.751.398	816.551.398	525.800.000
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	246.351.057	(279.448.943)	(525.800.000)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60 = 30 + 40 + 41)	50	8.068.615.388	7.542.815.388	(525.800.000)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.760.548.460	1.655.388.460	(105.160.000)
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	6.308.066.928	5.887.426.928	(420.640.000)

### Giải thích nguyên nhân chênh lệch:

- |  |             |      |
|--|-------------|------|
| 1. Chi phí khác tăng   | 525.800.000 | đồng |
| Do phải trả tiền thuê đất năm 2021 đối với một phần mặt bằng số 95 Phạm Hữu Chí mượn sử dụng của Công ty mẹ - Tổng công ty |             |      |
| 2. Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng  | 105.160.000 | đồng |
| Do điều chỉnh chi phí  |             |      |
| 3. Lợi nhuận sau thuế TNDN giảm do kết quả kiểm toán   | 420.640.000 | đồng |

SẢN  
IỐC  
JC

### III. THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THUẾ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẾN NGÀY 31/12/2021

#### 1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
I	<b>Thuế</b>	16.523.223	16.523.223	0
1	Thuế giá trị gia tăng		-	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp		-	-
3	Thuế thu nhập cá nhân	16.523.223	16.523.223	
4	Thuế nhà đất, tiền thuê đất		-	-
II	<b>Các khoản phải thu khác</b>		-	-
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>	16.523.223	16.523.223	-

#### 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
I	<b>Thuế</b>	6.552.625.572	6.447.465.572	(105.160.000)
1	Thuế giá trị gia tăng	5.476.622.842	5.476.622.842	
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt		-	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.076.002.730	970.842.730	(105.160.000)
4	Thuế thu nhập cá nhân		-	-
5	Thuế nhà đất, tiền thuê đất		-	-
6	Các loại thuế khác		-	-
II	<b>Các khoản phải nộp khác</b>	-	-	-
1	Phải nộp ngân sách lợi nhuận còn lại		-	-
2	Phải nộp NSNN khác		-	-
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>	6.552.625.572	6.447.465.572	(105.160.000)

Giải thích nguyên nhân chênh lệch:

1 Thuế TNDN giảm

105.160.000 đồng

Do tăng chi phí tiền thuê đất năm 2021 đối với một phần mặt bằng tại số 95 Phạm Hữu Chí Công ty mượn sử dụng của Công ty mẹ - Tổng công ty



**DANH SÁCH CÁC ĐỊA CHỈ NHÀ, ĐẤT CỦA TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN ĐANG TẠM CHO  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA QUẢN LÝ, SỬ DỤNG**  
(Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2021)

STT	Tên Doanh nghiệp Địa chỉ nhà, đất báo cáo	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Hồ sơ pháp lý	Hiện trạng sử dụng hiện nay	Tình hình sử dụng đất hiện nay	Thời điểm tạm sử dụng	Ghi chú
<b>I Công ty CPCN Tân Hòa</b>							
1	Số 95 Phạm Hữu Chí, phường 12, quận 5	2.495	Giấy CNQSDĐ số CT45600 ngày 26/5/2000. Quyết định cho thuê đất số 3365/QĐ-UBND ngày 07/7/2014. Hợp đồng thuê đất số 3374/HĐ- TNMT-QLSDĐ ngày 26/5/2015.	Văn phòng làm việc	+ Xí nghiệp truyền dẫn nước sạch - Công ty mẹ sử dụng diện tích 1.945m <sup>2</sup> . làm kho vật tư ngành nước. + Công ty CPCN Tân Hòa tạm sử dụng phần diện tích còn lại làm phòng giao dịch khách hàng (550 m <sup>2</sup> )	tháng 6/2015	- Đơn vị đang làm dịch vụ cấp nước cho Tổng Công ty. - Đơn vị đang sử dụng tạm một phần diện tích làm Phòng giao dịch khách hàng. - Năm 2021, Công ty mẹ đã nộp tiền thuê đất 2.385.220.000 đồng
2	Số 892A Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình (số cũ 21A/19 Âu cơ)	307	Giấy CNQSDĐ số 378/UB ngày 12/5/2000. Quyết định số 2686/QĐUB-QLĐT ngày 28/4/2000 của UBND TP về giao đất không thu tiền sử dụng đất.	Nhà giếng	+ Trạm giếng đang chạy vận hành bảo trì : 200 m <sup>2</sup> . + Bãi tập kết vật tư và xe thi công, khắc phục sự cố (107m <sup>2</sup> )	Tháng 5/2014	